

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 19-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Ngạn

Ông Nguyễn Quang Miên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyệt Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST- HS ngày 22-01-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- HS ngày 05- 02 -2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh năm 1965 tại xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Xuân Tr (liệt sĩ) và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Trần Đình K, sinh năm 1950 (đã chết) và 02 con (con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-12-2019 đến ngày 27-12-2019; được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1985; trú tại: tổ 10 khu KS, phường KS, thị xã ĐT, tỉnh QN(có đơn xin vắng mặt);

Người làm chứng:

1. Anh Trần Đình S, sinh năm 1972; trú tại: thôn BL, xã LĐ, huyện CG, tỉnh HD (vắng mặt);
2. Anh Vũ Xuân M, sinh năm 1980; trú tại: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD(vắng mặt);
3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1934; trú tại: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, Phạm Thị T mở quán ăn và uống cà phê tại mảnh đất của bà Nguyễn Thị B(là mẹ đẻ) ở thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD. Tháng 06/2019, chị Phạm Thị Th quê ĐT, tỉnh QN đến trọ tại nhà T và thỉnh thoảng đến quán giúp T bán hàng. Do muốn kiếm thêm tiền chi tiêu cá nhân nên chị Th đã thống nhất với T nếu khách có nhu cầu mua sâm thì T môi giới, thỏa thuận và thu tiền của khách 300.000đ/1 lần một người; Th sẽ bán sâm tại phòng trong của quán cà phê. Số tiền thu được của mỗi lần bán sâm Th được 200.000đ, T được 100.000đ.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25-12-2019, anh Trần Đình S và anh Nguyễn Văn T1(tự khai) đến quán uống nước. Tại đây, T1 đặt vấn đề với T mua sâm, T nói giá 300.000đ cho một lần mua sâm. T1 đồng ý rồi đưa 600.000đ cho T, trong đó 300.000đ trả tiền ăn uống và 300.000đ là tiền mua sâm. T cầm tiền rồi gọi điện thoại cho Th đến quán bán sâm. Một lúc sau Th đi bộ đến quán, T bảo Thúy đưa T1 vào phòng bên trong bán sâm, bao cao su có sẵn trong phòng. Đến 18 giờ 00 phút cùng ngày, khi Th đang bán sâm cho T1 tại phòng trong quán cà phê thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng kiểm tra phát hiện, thu giữ 02 bao cao su(01 đã qua sử dụng); số tiền 300.000đ và 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu hồng kèm theo sim do T tự nguyện giao nộp; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen kèm theo sim do chị Th tự nguyện giao nộp

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 20-01-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Phạm Thị T về Tội chứa mại sâm, theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề

ng nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm Tội chứa mại dâm. Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 13 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã CA, huyện CG, nơi bị cáo cư trú để quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu cho tiêu hủy 02 bao cao su màu trắng, nhãn hiệu VFJ. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 300.000đ; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu hồng kèm theo sim; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen kèm theo sim. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của chị Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 25-12-2019 và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25-12-2019, tại thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD, Phạm Thị T đã có hành vi môi giới, dẫn dắt chị Phạm Thị Th bán dâm cho anh Nguyễn Văn T1 tại phòng trong quán cà phê do T là chủ nhằm

thu lời bất chính. Đến 18 giờ cùng ngày, khi chị Th đang bán dâm cho anh Tuấn thì bị phát hiện, thu giữ cùng vật chứng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và là một trong các nguyên nhân lây bệnh xã hội, làm suy thoái nếp sống văn hóa, gây mất trật tự trị an trên địa bàn xã CA. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng quán caffe do mình quản lý làm địa điểm để thực hiện việc mua bán dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính một cách nhanh chóng, bị cáo vẫn cố ý để chị Th bán dâm cho anh Tuấn tại quán của mình. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội chứa mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo có bố đẻ là liệt sỹ, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo nên không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án có điều kiện cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- 02 bao cao su (trong đó 01 bao cao su chưa qua sử dụng; 01 bao cao su đã qua sử dụng) được xác định là vật chứng không có giá trị, HĐXX tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 300.000đ do bị cáo T giao nộp, xác định đây là tiền có được từ việc chứa mại dâm và bán dâm nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu hồng kèm theo sim của bị cáo T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen kèm theo sim của chị Th, xác định là công cụ phương tiện liên lạc gọi bán dâm do vậy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6]. Về các vấn đề khác:

- Chị Th có hành vi bán dâm, ngày 16-01-2020, Công an huyện Cẩm Giàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bán dâm là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối tượng tự khai tên Nguyễn Văn T1 (là người mua dâm), quá trình làm việc lợi dụng sơ hở đã bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng tiến hành xác minh nhưng không có người tên và địa chỉ cư trú như anh T1 đã khai báo nên không có căn cứ xử lý.

- Bà Nguyễn Thị B là người cho T sử dụng, quản lý mảnh đất nhưng không biết T mở quán cà phê để thực hiện hành vi chứa mại dâm; anh Trần Đình S đến quán cà phê nhưng không tham gia mua dâm nên không có căn cứ xử lý.

[7]. Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm Tội chứa mại dâm.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 15(*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (*ba mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000đ và giá trị chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu hồng kèm theo sim số 0372528622 và giá trị chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen kèm theo sim số 0975253116.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su (trong đó 1 bao đã qua sử dụng) được niêm phong trong bì thư dán kín.

(Đặc điểm các vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-02-2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương).

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện CG ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan thi hành án hình sự.
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu Vp

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy